

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạng mục: Khu tái định cư Hoà Sơn, xã Bình Phú phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2: Đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 219/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku;*

*Căn cứ Nghị quyết số 336/NQ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 219/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 102/TTr-SXD ngày 03/3/2026 và Văn bản số 25/SXD-HTKTTĐ ngày 12/02/2026 và đề nghị của Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh tại Văn bản số 1193/BQLDA-MTXH ngày 27/02/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạng mục: Khu tái định cư Hoà Sơn, xã Bình Phú phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2: Đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Khu tái định cư Hoà Sơn, xã Bình Phú phục vụ bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2: Đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

**2. Địa điểm xây dựng:** Xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai.

**3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh.

**4. Chủ đầu tư:** Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh.

**5. Tổ chức tư vấn lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:**

- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hội Quy hoạch.

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng B.K.

**6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:** Hạ tầng kỹ thuật, Nhóm C, cấp II, 50 năm.

**7. Mục tiêu dự án:** Dự án nhằm mục tiêu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Dự án thành phần 2: Đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kết nối các khu dân cư hiện hữu đã có, tạo nên không gian mới, hình thành các khu dân cư có cơ sở hạ tầng đồng bộ.

**8. Quy mô đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng hạng mục Khu tái định cư Hoà Sơn, xã Bình Phú phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2: Đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, với quy mô đầu tư khoảng 4,29ha, bao gồm các hạng mục công trình như sau:

a) San nền:

- Diện tích đất san nền khoảng 4,29ha. Cao độ san nền theo cao độ khống chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt, cao độ san nền cao nhất +26,1m, thấp nhất +25,5m.

- Vật liệu san nền bằng đất cấp phối đồi, đầm chặt K90; vị trí dự kiến khai thác tại mỏ đất được cấp phép phục vụ cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku (*mỏ đất CCĐT2 thuộc xã Bình An, tỉnh Gia Lai*); cự ly vận chuyển đến chân công trình khoảng 12,7km.

b) Đường giao thông: Đầu tư xây dựng 07 tuyến đường giao thông nội bộ theo quy hoạch được duyệt, có lộ giới từ 11,5m -:- 24m; tốc độ thiết kế  $V_{ik}=30\text{km/h}$ ; độ dốc ngang mặt đường  $i_m=2\%$ ; độ dốc ngang vỉa hè  $i_{vh}=1\%$ .

STT	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang đường (m)
1	Đường ĐS1	$B_n = 4,5\text{m}(B_{vh}) + 7\text{m}(B_m) = 11,5\text{m}$
2	Đường ĐS3	$B_n = 4,5\text{m}(B_{vh}) + 7\text{m}(B_m) + 4,5\text{m}(B_{vh}) = 16\text{m}$
3	Đường ĐS4	$B_n = 5,0\text{m}(B_{vh}) + 10,0\text{m}(B_m) + 5,0\text{m}(B_{vh}) = 20\text{m}$
4	Đường ĐS5	$B_n = 4,5\text{m}(B_{vh}) + 7\text{m}(B_m) + 4,5\text{m}(B_{vh}) = 16\text{m}$

5	Đường ĐS6	$B_n = 5,0m(B_{vh}) + 14,0m(B_m) + 5,0m(B_{vh}) = 24m$
6	Đường ĐS7	$B_n = 4,5m(B_{vh}) + 7m(B_m) + 4,5m(B_{vh}) = 16m$
7	Đường ĐS8	$B_n = 4,5m(B_{vh}) + 7m(B_m) + 2,5m(B_{vh}) = 14m$

- Kết cấu nền, mặt đường giao thông từ trên xuống dưới như sau: Lớp BTN C12.5 dày 7cm; lớp CPĐD loại 1 Dmax25 dày 15cm; lớp CPĐD loại 1 Dmax37,5 dày 18cm; lớp đáy áo đường cấp phối đồi đầm chặt K98, dày 30cm.

- Kết cấu bó vỉa, vỉa hè: Bó vỉa bằng bê tông M250 đá 1x2; vỉa hè lát gạch terrazzo KT(40x40x3)cm. Riêng đối với đường ĐS4 kết cấu bó vỉa, vỉa hè bằng đá Granite.

- Cây xanh vỉa hè: Xây dựng các hồ trồng cây xanh dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông, vị trí nằm giữa 02 lô đất. Hồ trồng cây bằng ống buy D80cm, chiều sâu 0,5m, trồng cây Giáng Hương.

- An toàn giao thông: Xây dựng hệ thống biển báo, sơn kẻ đường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2024/BGTVT.

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng các tuyến công thu gom nước mưa bằng công tròn BTCT có đường kính từ D400 -:- D1500, bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông để thu gom nước mưa của dự án, sau đó xả ra tuyến công hộp (2,0x2,0)m và thoát ra mương đất hiện trạng phía Đông Nam dự án.

- Xây dựng tuyến công hộp có khẩu độ bxb=(2,0x2,0)m chạy dọc theo vỉa hè đường ĐS6, ĐS8, kết cấu công bằng BTCT M300 đá 1x2.

- Xây dựng tuyến mương có khẩu độ bxb=(0,4x0,55)m bằng bê tông M200 đá 1x2 và để hoàn trả mương hiện trạng phía Đông Nam dự án.

- Hoàn trả tuyến mương bê tông có khẩu độ bxb=(0,8x0,9)m bằng tuyến ống thép D800.

- Xây dựng hố ga thăm bằng bê tông M250 đá 1x2, nắp hố ga bằng BTCT M250 đá 1x2; xây dựng hố thu nước mặt đường bằng BTCT M250 đá 1x2, phía trên lắp đặt lưới chắn rác bằng bê tông cường độ cao.

d) Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải thiết kế đi riêng với hệ thống thoát nước mưa, sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính D200 và D315, nước thải của dự án và dự án Khu tái định cư xã Bình Tường phục vụ dự án tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn được thu gom rồi dẫn về khu xử lý nước thải (*đặt tại khu đất cây xanh phía Đông dự án*) để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng các hố ga bằng BTCT M250 đá 1x2, chờ đầu nối với các hộ gia đình bằng ống nhựa uPVC D114.

- Xây dựng bể hợp khối xử lý nước thải có kích thước: BxLxH=(5,1x9,15x3,9)m, kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; xây dựng nhà điều hành (trên bể xử lý) có diện tích khoảng 20,1m<sup>2</sup>, kết cấu bằng BTCT, tường xây gạch.

đ) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt và PCCC bằng ống HDPE có đường kính D63 và D110. Nguồn nước cấp dự kiến đầu nối tại 01 vị trí đường ống cấp nước D168 phía Nam dự án trên trục đường QL19.

- Lắp đặt 09 trụ chữa cháy và các phụ kiện khác trên đường ống.

e) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp 03 pha 250kVA-22/0,4kV.

- Xây dựng mới đường dây 22kV, 0,4kV, chiếu sáng đi ngầm để cấp điện cho dự án.

## **9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn**

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án do đơn vị tư vấn lập, được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 25/SXD-HTKTTĐ ngày 12/02/2026.

**10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 75.210.973.000 đồng** (Bảy mươi lăm tỷ, hai trăm mười triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	:	22.920.303.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	39.247.928.230	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	888.687.636	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	858.849.252	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	2.745.560.073	đồng;
- Chi phí khác	:	1.426.089.514	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	7.123.556.018	đồng.

**11. Tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2025 - 2027.

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách nhà nước.

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.**

- Về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Nguồn vật liệu sử dụng sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận trên địa bàn tỉnh.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB: Được tổ chức lập và phê duyệt theo quy định hiện hành.

**15. Các nội dung khác:** Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 25/SXD-HTKTTĐ ngày 12/02/2026.

**Điều 2.** Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV, Giám đốc Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh, Chủ tịch UBND xã Bình Phú và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.



**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tụ Công Hoàng;
- PCVP XD;
- Lưu: VT, X2.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tụ Công Hoàng**